

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU NGHỊ QUYẾT SỐ 28/2026/QH16 NGÀY 24/4/2026 CỦA QUỐC HỘI VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM

Nghị quyết số 28/2026/QH16 về phát triển văn hóa Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 24/4/2026 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 28/2026/QH16*); có hiệu lực thi hành từ ngày **01/7/2026**.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Về cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 80-NQ/TW*) đã xác định đề ra 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp để phát triển văn hóa Việt Nam, đồng thời giao Đảng uỷ Chính phủ “*phối hợp với Đảng uỷ Quốc hội kịp thời thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu tại Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để triển khai thực hiện, ban hành Nghị quyết của Quốc hội về phát triển văn hoá Việt Nam trong Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá XVI với các cơ chế, chính sách ưu đãi cụ thể, khả thi, hiệu quả*”.

- Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam (Nghị quyết số 30/NQ-CP) đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nhiệm vụ “*Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội khoá XVI về một số giải pháp phát triển văn hóa Việt Nam*”, thời hạn hoàn thành vào **Quý III năm 2026**.

- Tại Phiên họp thứ nhất ngày 19/3/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam, đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban chỉ đạo đã kết luận một trong các nhiệm vụ trọng tâm phải triển khai thực hiện trong năm 2026 là “*xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam để trình Quốc hội khóa XVI xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 1*” (Thông báo số 33-TB/BCĐTW ngày 25/3/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam).

- Tại Phiên họp thứ nhất ngày 19/3/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam, đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban chỉ đạo đã kết luận một trong các nhiệm vụ trọng tâm phải triển khai thực hiện trong năm 2026 là "xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam để trình Quốc hội khóa XVI xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 1" (Thông báo số 33-TB/BCĐTW ngày 25/3/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam).

Do vậy, Chính phủ đề xuất xây dựng dự án Nghị quyết theo trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 26 "Trường hợp cần ban hành luật, nghị quyết ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra hoặc kỳ họp gần nhất để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm thì cơ quan trình áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để xây dựng dự án; gửi hồ sơ dự án để Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thẩm tra, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đồng thời quyết định việc bổ sung vào dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, thông qua" và tổ chức việc soạn thảo dự án Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 50 và Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

2. Cơ sở pháp lý

- Điều 41 Hiến pháp năm 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội (*sau đây gọi chung là Hiến pháp*) quy định: "*Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa*".

- Điều 50 Hiến pháp quy định: "*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa*".

- Khoản 1 Điều 60 Hiến pháp quy định: "*Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại*".

- Khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

"Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định:

a) *Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành;*

b) Tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân;

c) Vấn đề khác do Quốc hội quyết định”.

3. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời gian qua cho thấy hệ thống pháp luật về văn hóa vẫn còn bộc lộ hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới. Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững đất nước chưa thật sự toàn diện và sâu sắc, dẫn đến việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa tạo được những đột phá cần thiết. Có quy định pháp luật chưa theo kịp thực tiễn phát triển đời sống văn hóa - xã hội, chưa hình thành được khung pháp lý đủ mạnh để xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Bên cạnh đó, pháp luật về đầu tư, tài chính cho văn hóa còn phân tán, mức đầu tư thấp, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, trong khi các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa, phát triển nguồn lực ngoài nhà nước, thu hút, ưu đãi đầu tư cho văn hóa chưa hoàn chỉnh. Hệ thống pháp luật về phát triển nguồn nhân lực văn hóa, về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, cũng như về công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí còn thiếu tính tổng thể, chưa tạo được động lực thúc đẩy lĩnh vực văn hóa phát triển tương xứng với tiềm năng. Sức sáng tạo của các chủ thể, đặc biệt là đội ngũ văn nghệ sĩ, chưa được khơi dậy và phát huy đúng mức. Mức độ tiếp cận và thụ hưởng văn hóa của người dân tuy được quan tâm nhưng còn khoảng cách giữa các vùng miền. Đầu tư cho văn hóa còn thấp và dàn trải.

Từ các căn cứ trên, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đột phá phát triển văn hóa Việt Nam để thể chế hóa kịp thời chủ trương của Đảng theo Nghị quyết số 80-NQ/TW là hết sức cần thiết. Nghị quyết không chỉ tháo gỡ điểm nghẽn, khắc phục những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật hiện hành, mà còn có một số cơ chế, chính sách mới tạo đột phá phát triển văn hóa Việt Nam.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT SỐ 28/2026/QH16

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Thể chế hóa một số quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 80-NQ/TW, đặc biệt là đầu tư cho văn hoá là đầu tư cho phát triển bền vững đất nước, cho tương lai của dân tộc. Đổi mới căn bản, toàn diện tư duy về huy động mọi nguồn lực để phát triển văn hoá, trong đó nguồn lực nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, nguồn lực xã hội, khu vực tư nhân là động lực quan trọng. Ban hành các cơ chế, chính sách đột phá để huy động khơi thông và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho văn hoá, thu hút, trọng dụng nhân tài tạo dựng không gian mới, xung lực mới cho phát triển văn hoá.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Xác định đúng, đúng các chính sách mang tính then chốt tầm luật để tháo gỡ điểm nghẽn, tạo đột phá về nguồn lực, nhất là huy động nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa và nguồn nhân lực cho văn hóa.

- Thiết kế các chính sách, quy định vừa bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, vừa có tính đặc thù, đột phá của văn hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết số 80-NQ/TW bảo đảm tính khả thi và nguồn lực thực hiện.

- Bảo đảm phù hợp với Quyết định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

II. BỐ CỤC CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 28/2026/QH16

Nghị quyết số 28/2026/QH16 quy định về phát triển văn hóa Việt Nam, gồm **13 điều**, cụ thể như sau:

- Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2 quy định về Ngày Văn hóa Việt Nam.
- Điều 3 quy định về nguồn lực phát triển văn hóa.
- Điều 4 quy định về cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu tư phát triển văn hóa.
- Điều 5 quy định về cơ chế ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực văn hóa.

- Điều 6 quy định về cơ chế, chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống và bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm.

- Điều 7 quy định về chính sách đãi ngộ, phát triển tài năng, nhân lực đặc thù về nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao.

- Điều 8 quy định về đặt hàng, khoán chi đối với hoạt động sáng tạo văn hóa sử dụng ngân sách nhà nước.

- Điều 9 quy định về quảng bá, xúc tiến, phát triển sản phẩm, thị trường công nghiệp văn hóa Việt Nam.

- Điều 10 quy định về chính sách chuyển đổi số và phát triển hạ tầng văn hóa số.

- Điều 11 quy định về quỹ văn hóa, nghệ thuật.

- Điều 12 về tổ chức thực hiện.

- Điều 13 Điều khoản thi hành.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 28/2026/QH16

1. Ngày Văn hóa Việt Nam (Điều 2)

Theo đó, Quốc hội xác định **ngày 24 tháng 11 hằng năm** là Ngày Văn hóa Việt Nam, người lao động được nghỉ làm việc và hưởng nguyên lương.

Ngoài ra, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định miễn hoặc giảm phí, lệ phí dịch vụ tham quan tại các cơ sở văn hóa, thể thao công lập vào Ngày Văn hóa Việt Nam; khuyến khích Nhân dân, đặc biệt là thanh niên, trẻ em tham gia các hoạt động văn hóa vào các ngày lễ lớn của dân tộc và đất nước.

2. Nguồn lực phát triển văn hóa (Điều 3)

Theo đó, Nhà nước bảo đảm chi cho văn hóa hằng năm **tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước** và tăng dần theo yêu cầu phát triển để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa.

3. Cơ chế, chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực văn hóa

Theo đó, Nghị quyết số 28/2026/QH16 đã quy định **05 nhóm** cơ chế, chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, cụ thể như sau:

3.1. Cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu tư phát triển văn hóa

Trọng tâm là một số nội dung sau:

- Hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa là khu vực có ranh giới địa lý xác định, tập trung các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, được đầu tư xây dựng nhằm liên kết các không gian sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm, sản xuất, phân phối, thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ văn hóa; hỗ trợ đào tạo văn hóa, nghệ thuật, giải trí, dịch vụ văn hóa, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan để tạo thành hệ sinh thái công nghiệp văn hóa, giải trí đồng bộ, hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo.

- Hình thành, phát triển tổ hợp sáng tạo văn hóa là khu phức hợp các công trình, không gian, hạ tầng kỹ thuật để cho thuê, khai thác, sử dụng nhằm phát triển công nghiệp văn hóa kết hợp với mục tiêu thương mại, dịch vụ tại khu đô thị, khu dân cư, khu du lịch văn hóa hoặc tại cụm, khu công nghiệp, nhà máy hoặc công trình khác được chuyển đổi công năng thành tổ hợp sáng tạo văn hóa.

- Tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa theo quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh phù hợp theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

- Tổ chức, cá nhân đầu tư vào hạ tầng số, phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hóa và phát triển trọng tâm một số ngành, lĩnh vực công nghiệp văn hóa, bao gồm: du lịch văn hóa; điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật; trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam, được hỗ trợ thuế thu nhập như sau:

+ Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động văn hóa của doanh nghiệp. Việc xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp đối với hoạt động văn hóa;

+ Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ hoạt động văn hóa của doanh nghiệp.

Nghị quyết giao Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Danh mục thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở và trình tự, thủ tục, trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

3.2. Cơ chế ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực văn hóa

- Sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim; triển lãm; dịch vụ luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật hoặc thể thao chuyên nghiệp; hoạt động nghệ thuật biểu diễn không thuộc trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều 9 của Luật Thuế giá trị gia tăng được hưởng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng **5%**.

- Các tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao, di sản văn hóa của Việt Nam đáp ứng được tiêu chí bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị đang ở nước ngoài được tổ chức, cá nhân mua, đấu giá, đưa về Việt Nam không vì mục đích lợi nhuận để trưng bày theo quy định của Luật Di sản văn hóa hoặc tặng cho, chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước:

+ **Được miễn 100%** thuế nhập khẩu, phí hải quan;

+ Là đối tượng **không chịu thuế** giá trị gia tăng.

Trường hợp tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao, cổ vật quý hiếm đã được hồi hương về nước, nhưng chủ sở hữu không chuyển nhượng cho Nhà nước mà chuyển nhượng cho bên thứ ba thì phải thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

- Chính quyền địa phương thực hiện thí điểm mô hình đô thị di sản theo tiêu chí do Chính phủ quy định được quyết định các cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai, phí, lệ phí trên địa bàn đối với hoạt động nhằm mục đích khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa.

Thời gian thực hiện thí điểm tối đa đến hết năm 2035.

- Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trách nhiệm sau:

+ Bố trí quỹ đất cho xây dựng các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí các cấp, không gian trưng bày tác phẩm nghệ thuật tại nơi công cộng, trong đó ưu tiên cấp xã, trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan;

+ Ưu tiên bố trí quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước được giao quản lý, trụ sở công dôi dư để thu hút các dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao; cho tổ chức, cá nhân thuê trụ sở công dôi dư và công trình thuộc sở hữu nhà nước để hoạt động văn hóa, thể thao;

+ Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê bất động sản khác là tài sản công đối với nhà xuất bản, cơ sở sản xuất phim tài liệu và khoa học 100% vốn nhà nước trên địa bàn theo quy định của Chính phủ.

3.3. Cơ chế, chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống và bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm

Theo đó, Nhà nước bảo đảm nguồn lực tài chính bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam và các giá trị văn hóa có nguy cơ mai một, nghệ thuật truyền thống; xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù cho văn hóa các dân tộc thiểu số; phát triển không gian bảo tồn văn hóa, làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống gắn với phát triển du lịch, phát huy vai trò của chủ thể văn hóa tạo sinh kế bền vững; bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài được bố trí kinh phí kịp thời sau khi Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương mua, đấu giá, đưa về Việt Nam; Nhà nước đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và bảo đảm hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đang cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu là dịch vụ văn hóa, nghệ thuật truyền thống; ưu tiên sự tham gia của các loại hình nghệ thuật truyền thống trong các sự kiện, chương trình nghệ thuật quốc gia, quốc tế phục vụ nhiệm vụ chính trị; bảo đảm thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống trên hệ thống phát thanh, truyền hình.

3.4. Chính sách đãi ngộ, phát triển tài năng, nhân lực đặc thù về nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao

Chính sách này, tập trung vào các nhóm nội dung sau:

- Nhà nước có chính sách ưu tiên phát triển tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao thông qua bồi dưỡng tập trung, chuyên sâu ở trong nước và nước

ngoài; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và chăm sóc sức khỏe chuyên biệt để phục vụ biểu diễn, luyện tập, nghiên cứu theo hướng đồng bộ, hiện đại đạt chuẩn khu vực và quốc tế gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa và công nghiệp văn hóa.

- Cho phép đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao được áp dụng cơ chế tuyển dụng không qua thi tuyển đối với:

+ Người học được đào tạo, tốt nghiệp ở trong nước và nước ngoài thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao có thành tích chuyên môn đặc biệt xuất sắc;

+ Vận động viên, nghệ sĩ tài năng đạt huy chương, giải thưởng cấp quốc gia, khu vực, quốc tế.

Người được tuyển dụng theo quy định tại khoản này được hưởng chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài theo quy định của pháp luật.

- Viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn theo lộ trình cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới như sau:

+ Phụ cấp ưu đãi nghề từ **mức 40% đến 60%** mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống, nghệ thuật biểu diễn cổ điển và xiếc; viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp **làm việc tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;**

+ Phụ cấp ưu đãi nghề từ mức **20% đến 30%** mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

+ Chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn căn cứ vào vai trò, mức độ tham gia hoạt động trong tác phẩm, chương trình, tiết mục để xác định: chế độ bồi dưỡng luyện tập từ **5% đến 15%** mức lương cơ sở cho một buổi luyện tập; chế độ bồi dưỡng biểu diễn (sơ duyệt, tổng duyệt và biểu diễn) từ **15% đến 30%** mức lương cơ sở cho một buổi biểu diễn.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí:

+ Đào tạo lại cho viên chức thuộc các lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, xiếc, múa khi hết tuổi nghề được học tập để chuyển đổi vị trí việc làm;

+ Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp văn hóa; nhân lực chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, sáng tạo nội dung số về văn hóa; giám tuyển, giám định tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa.

- Chính quyền địa phương cấp tỉnh bố trí ngân sách, huy động nguồn lực xã hội để đãi ngộ, hỗ trợ nghệ nhân, nghệ sĩ sáng tạo, thực hành, truyền dạy văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống tại địa phương, trong các trường phổ thông trên địa bàn hoặc tham gia quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

3.5. Chính sách chuyển đổi số và phát triển hạ tầng văn hóa số

Theo đó, Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về văn hóa, hạ tầng văn hóa số và nền tảng số dùng chung. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa số theo phương thức đối tác công tư; bảo đảm kinh phí để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện số hóa di sản văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt; có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, tiếp cận và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nội dung số, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số; thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn vào hạ tầng số và phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hóa.

Thí điểm các mô hình kinh doanh văn hóa mới gắn với nền tảng số: Bảo tàng mở, nhà hát di động, thư viện số và một số loại thiết chế văn hóa số khác theo quy định của Chính phủ. Thời gian thực hiện thí điểm tối đa là **05 năm kể từ ngày 01/7/2026**. Hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa, sáng tạo nội dung số đặt trong cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo ngành hoặc nhóm ngành đặc thù trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, các trung tâm văn hóa, thể thao cấp tỉnh, cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chính sách hỗ trợ đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa, sáng tạo nội dung số và người sáng tạo nội dung số.

Nhà nước bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí ứng dụng công nghệ số, giám sát, rà soát, đánh giá, xử lý thông tin xấu độc, tin giả, sai sự thật để bảo vệ an ninh văn hóa, bản quyền trên môi trường số và chủ quyền văn hóa số.

Các nhóm cơ chế, chính sách nêu trên đã thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 80-NQ/TW “*Đầu tư cho văn hoá là đầu tư cho phát triển bền vững đất nước, cho tương lai của dân tộc*”.

4. Đặt hàng, khoán chi đối với hoạt động sáng tạo văn hóa sử dụng ngân sách nhà nước (Điều 8)

Thí điểm áp dụng cơ chế khoán chi kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hoạt động “*sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa đối với một số hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống, phục vụ đối tượng yếu thế vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc sản xuất phim, chương trình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị quốc gia, Bộ, ngành và địa phương*” bảo đảm mục tiêu, sản phẩm đầu ra theo yêu cầu chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền; áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần. Trường hợp khoán chi từng phần thì tổ chức, cá nhân giao khoán và nhận giao khoán được tự chủ sử dụng kinh phí trong phạm vi khoán, điều chỉnh nội dung chi phù hợp với yêu cầu thực tế nhưng không vượt quá tổng mức khoán chi. Hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng khi tổ chức, cá nhân nhận giao khoán có cam kết về công trình, tác phẩm với yêu cầu chủ yếu cần đạt được thông qua Hội đồng chuyên môn thẩm định độc lập. Thời gian thực hiện thí điểm tối đa là **05 năm kể từ ngày 01/7/2026**.

5. Quảng bá, xúc tiến, phát triển sản phẩm, thị trường công nghiệp văn hóa Việt Nam (Điều 9)

Theo đó, Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ, thúc đẩy quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam thông qua tổ chức Tuần Văn hóa Việt Nam; chương trình giao lưu nghệ thuật, truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống; dạy tiếng Việt; nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ văn hóa, võ dân tộc, ẩm thực Việt Nam, học tiếng Việt tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc.

Ngoài ra, còn có chính sách hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam đối với những bộ phim góp phần quảng bá đất nước, con người, du lịch Việt Nam và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Quỹ văn hóa, nghệ thuật (Điều 11)

Nhà nước thí điểm thành lập Quỹ văn hóa, nghệ thuật (sau đây gọi là quỹ) ở Trung ương và một số địa phương. Quỹ hoạt động theo mô hình hợp tác công tư, là quỹ đầu tư mạo hiểm, hoạt động theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả

năng rủi ro, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn. **Thời gian thực hiện thí điểm tối đa đến hết năm 2035.**

Việc Quốc hội ban hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 về phát triển văn hóa có ý nghĩa quan trọng nhằm khẳng định vai trò nền tảng của văn hóa trong sự phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết đóng vai trò là động lực mạnh mẽ đưa văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh, thúc đẩy sự phát triển bền vững và toàn diện của đất nước trong giai đoạn mới./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (NT.Hiền).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG